TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 8 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Vĩnh T, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Khóm x, xã Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Cẩm L, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Khóm x, xã Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông Phạm Vĩnh T, thể hiện*:

Ông Phạm Vĩnh T và bà Trần Cẩm L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bà L thường xuyên đi uống rượu, bia mặc dù đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà L không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, ông T xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung, gồm: Phạm Trần Loan A, sinh ngày 27/5/2000 và Phạm Trần Tín Đ, sinh ngày 07/3/2007 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác: Ông T xác định không có.

* *Đối với bà Trần Cẩm L*: Mặc dù đã được tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà L không có ý kiến gì về các nội dung ông T yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Cẩm L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Vĩnh T và bà Trần Cẩm L chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn; theo ông T, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn mặc dù đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không khắc phục được; từ nguyên nhân trên, ông T xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với bà L. Bà L không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ông T xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác: Ông T xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Vĩnh T và bà Trần Cẩm L.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Vĩnh T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0011861 ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau thì ông T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Càn